

Bản án số: 21/2026/DS-ST

Ngày: 14/5/2026.

"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thiện Phán;

Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Hồng Hà, ông Nguyễn Trọng Văn;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Hải Phòng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: bà Bùi Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Hải Phòng mở phiên tòa xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 140/2025/ST-DS ngày 20/11/2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27A/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2026/DS-QĐHPT ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1960; CCCD số 030060020826, cấp ngày 23/7/2022.

Địa chỉ: số 18 đường TB, phường LTN, thành phố Hải Phòng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: ông Vũ Văn T2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khu ĐX, phường TM, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962. Địa chỉ: số 18 đường TB, phường LTN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1977. Địa chỉ: khu ĐX, phường TM, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T1 trình bày: Năm 2014 ông có cho ông Vũ Văn T2 vay số tiền 49.000.000 đồng, không lấy lãi. Hai bên thoả thuận khi nào ông cần thì báo trước cho ông T2 từ 15 đến 30 ngày thì ông T2 phải trả nợ vợ chồng ông. Sau đó nhiều năm, nhiều lần ông đòi ông T2 trả tiền nhưng ông T2 không trả. Ngày 18 tháng 11 năm 2022 ông và ông T2 cùng nhau ký vào Biên bản thoả thuận, ông T2 nợ ông 49.000.000 đồng, hàng tháng ông T2 trả ông 2.000.000 đồng vào ngày 30 hàng tháng. Nhưng từ đó ông T2 chưa trả ông được đồng nào. Nay ông khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc ông T2 phải trả ông số tiền 49.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Đây là số tiền của riêng ông, ông cho riêng ông T2 vay bởi vì, trong Biên bản thoả thuận chỉ có ông và ông T2 ký.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông Vũ Văn T2 đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa. Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và giấy triệu tập ông T2 tham gia tố tụng tại Tòa bằng việc niêm yết và thông qua chị Phạm Thị N là vợ ông T2. Ông T2 đã biết việc ông T1 khởi kiện đòi số tiền 49.000.000đ nhưng ông T2 không có ý kiến gì.

Ý kiến của người làm chứng:

- Bà Phạm Thị N trình bày, bà là vợ của ông Vũ Văn T2, bà đã nhận được văn bản của Toà án và đã thông báo đầy đủ cho ông T2 biết, bà yêu cầu ông T2 trả đủ cho ông T1 49.000.000 đồng, nhưng ông T2 không trả. Bà xác số tiền ông T2 nợ ông T1 là nợ riêng của ông T2 vì ông T2 chơi bời, vay nhiều nơi nên phải tự chịu nợ riêng. Hiện ông T2 đi làm ăn thì thoảng mới về.

- Bà Nguyễn Thị M trình bày, bà là vợ của ông Nguyễn Xuân T1. Bà biết ông T1 khởi kiện yêu cầu ông T2 phải trả số tiền vay nợ là 49.000.000 đồng. Đây là số tiền riêng của ông T1, không liên quan gì đến bà, bà chỉ biết ông T1 đòi nhiều lần nhưng ông T2 không trả.

Tại phiên toà: Hội đồng xét công bố các lời khai, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án; đề nghị Viện kiểm sát Khu vực 12-Hải Phòng phát biểu quan điểm về tố tụng và hướng giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12-Hải Phòng xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà, chấp hành đúng qui định của BLTTDS; người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 68, 70, 71, 74 của BLTTDS; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

- Áp dụng Điều 275, 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T1: Buộc ông Vũ Văn T2 phải trả cho ông T1 số tiền nợ gốc là 49.000.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông T1 không yêu cầu ông T2 phải thanh toán tiền lãi đối với khoản vay trên.

- Về án phí: Buộc ông Vũ Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.450.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 12-Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ như triệu tập hợp lệ ông T2, niêm yết các văn bản tố tụng ... theo quy định của BLTTDS; tại phiên toà ông T1 xin xét xử vắng mặt; ông T2 vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

+ Xét giá trị pháp lý của Biên bản thoả thuận giữa ông Nguyễn Xuân T1 và ông Vũ Văn T2 được lập vào ngày 18/11/2022 thì thấy: Các đương sự đều xác nhận ý chí của mình khi giao kết, người cho vay ký; bên người vay ký tên Vũ Văn T2 là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận về vay tài sản là tiền và hình thức của Biên bản thoả thuận bằng văn bản là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Biên bản thoả thuận trên được xác định là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Trong Biên bản thoả thuận vay tiền các bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán nợ, không thỏa thuận về lãi nên thuộc trường hợp: Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ . Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Lời khai của nguyên đơn phù hợp Biên bản thoả thuận, với lời khai của người làm chứng về việc cho ông T2 vay số tiền 49.000.000đ, sau khi nhận tiền xong thì hai bên mới thiết lập Biên bản vay tiền. Việc thiết lập Biên bản vay tiền của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên có giá trị pháp lý. Mặc dù Tòa án không tiến hành lấy lời khai trực tiếp của ông T2, nhưng HĐXX căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp như Biên bản thoả thuận (bản gốc), Văn bản trình bày của nguyên đơn... nên có đủ căn cứ để xác định: Việc ông T2 vay ông T1 số tiền 49.000.000đ và đến thời điểm này chưa thanh toán cho ông T1 là có thật. Theo quy định tại khoản 1 khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp; đối với ông T2 đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Ông T2 vay ông T1 số tiền 49.000.000 triệu, ông T1 đã yêu cầu trả nhưng ông T2 chưa trả là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 được pháp luật bảo vệ nên yêu cầu khởi kiện của ông T1 là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Trong Biên bản thảo thuận vay tiền 49.000.000 đồng các bên không thỏa thuận về lãi, đến nay nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng: Điều 275, 280, 357, 463, 464, 465, 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự. Khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T1. Buộc ông Vũ Văn T2 địa chỉ: Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng phải có trách nhiệm trả ông Nguyễn Xuân T1, nơi cư trú: số 18 đường Thanh Bình, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng số tiền 49.000.000đ (bốn chín triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được

quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Ông Vũ Văn T2 phải chịu 2.450.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T1, ông T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 12-Hải Phòng;
- Phòng THADS Khu vực 12-Hải Phòng;
- Ngành ng-êi tham gia tề
tông;
- Lưu hồ sơ.

**Tm. Húi @ảg xĐt xö s- thỀm
ThỀm ph.n - Chñ to¹ phi^an toạ**

Nguyễn Thiện

Phán